

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

07/2024

TỜ TRÌNH

về hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

Kính gửi: Chính phủ

Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ, Bộ Tài chính được giao trình Chính phủ “*Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan*” (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), thực hiện nhiệm vụ này, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản cụ thể:

a) Đã thành lập Ban soạn thảo dự thảo Nghị định.

b) Dự thảo Nghị định đã lấy đầy đủ ý kiến các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố, công đồng doanh nghiệp, tổ chức cá nhân chịu sự tác động, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

c) Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định và trình Chính phủ 02 lần (tờ trình số 246/TTr-BTC ngày 27/12/2021 và tờ trình số 106/TTr-BTC ngày 12/5/2022 sửa đổi, bổ sung tờ trình Chính phủ số 246/TTr-BTC). Văn phòng Chính phủ có Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (TVCP) số 170/PLYK/2022 ngày 02/6/2022 về dự thảo Nghị định. Kết quả có 25 ý kiến TVCP đồng ý với dự thảo Nghị định, trong đó có 23 ý kiến TVCP hoàn toàn nhất trí và 02 ý kiến TVCP đồng ý thông qua dự thảo Nghị định khi ý kiến tham gia được tiếp thu. Theo đó, đối với ý kiến cụ thể của 02 TVCP là Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng và Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ Tài chính đã có công văn số 7501/BTC-TCHQ ngày 01/8/2022, công văn số 9519/BTC-TCHQ ngày 19/9/2022, công văn số 11143/BTC-TCHQ ngày 28/10/2022, công văn số 12821/BTC-TCHQ ngày 05/12/2022, công văn số 13743/BTC-TCHQ ngày 27/12/2022 giải trình và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự thảo Nghị định, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, do còn ý kiến của Bộ Công Thương (tại phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ) liên quan nội dung quy định về xuất nhập khẩu tại chỗ quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP nên dự thảo Nghị định chưa được phê duyệt.

Trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính, ngày 27/06/2024, Văn phòng Chính phủ có công văn số 4493/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái: *Bộ Tài chính chủ trì, trực tiếp làm việc với Lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Công Thương, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các cơ quan liên quan để trao đổi,*

thống nhất về việc bãi bỏ quy định về xuất nhập khẩu tại chỗ tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; bảo đảm chặt chẽ, khoa học, khả thi, hiệu quả đúng Quy chế làm việc của Chính phủ và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện tờ trình và hồ sơ dự thảo Nghị định, trình Chính phủ trong Quý IV/2024.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính xin báo cáo như sau:

I. Về nội dung về xuất nhập khẩu tại chỗ quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP:

1. Về việc triển khai sửa đổi:

Thực hiện Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 20/02/2023 và thông báo ý kiến của Phó thủ tướng Chính phủ tại các công văn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã:

- Tổ chức nhiều cuộc họp với các Bộ ngành, nhiều cuộc hội thảo với các Hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp.

- Có công văn số 9133/BTC-TCHQ ngày 25/8/2023 và công văn số 10961/BTC-TCHQ ngày 10/10/2023 báo cáo kết quả đánh giá, tổng kết việc thực hiện quy định về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và công văn số 5436/BTC-TCHQ ngày 28/5/2024 báo cáo việc sửa đổi, bổ sung Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

2. Nội dung đề xuất sửa đổi:

a) Hiện chỉ có Luật Thương mại năm 2005, Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định doanh nghiệp Việt Nam nhận gia công cho thương nhân nước ngoài được thực hiện một số hoạt động XNK tại chỗ như xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ sản phẩm gia công, máy móc, thiết bị cho thuê hoặc cho mượn; nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa; phế phẩm, phế liệu. Luật Hải quan năm 2001 và các Luật khác không quy định về hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ đối với hoạt động mua bán hàng hoá với thương nhân nước ngoài nhưng được chỉ định giao nhận hàng hoá tại Việt Nam. Tuy nhiên, căn cứ các văn bản dưới Luật (Nghị định, Thông tư) nêu trên thì hoạt động XNK tại chỗ đã được thực hiện từ năm 1998 đến nay, các văn bản về sau đều được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở kế thừa, hoàn thiện để đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động thương mại, tạo thuận lợi cho giao thương hàng hoá. Từ năm 2015 đến nay, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ đã được quy định cụ thể tại các Nghị định của Chính phủ (như: Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP); pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ thuộc đối tượng chịu thuế. Do đó, nội hàm hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ có sự chưa thống nhất giữa hệ thống pháp luật về thương mại, ngoại thương với hệ thống pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

b) Kinh nghiệm quốc tế về XNK tại chỗ

Qua nghiên cứu pháp luật một số nước cho thấy, các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc không quy định về hình thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ. Công ước Kyoto, Istanbul không có điều khoản quy định về hình thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

Qua trao đổi tại phiên họp về thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại ASEAN lần thứ 24 thì các nước thành viên ASEAN đều có ý kiến cho rằng bản chất đây không được gọi là hoạt động

xuất nhập khẩu do không có sự di chuyển hàng hóa qua biên giới, lãnh thổ hải quan mà chỉ thuần túy là giao dịch nội địa với sự tham gia của thương nhân nước ngoài làm trung gian (thực hiện hoạt động phân phối, mua bán hàng hóa trong nội địa). Do vậy, giao dịch này thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan thuế nội địa nên không phải làm thủ tục hải quan.

Như vậy, trên thế giới chỉ tồn tại hình thức xuất khẩu, nhập khẩu thông thường (hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được vận chuyển qua cửa khẩu biên giới, lãnh thổ hải quan), không tồn tại hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ như Việt Nam.

c) Quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa:

- Theo quy định tại Điều 28 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 thì:

“1. Xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.

2. Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.”

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 thì: *“Khu vực hải quan riêng là khu vực địa lý xác định trên lãnh thổ Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam là thành viên; có quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa với phần lãnh thổ còn lại và nước ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.”*

- Theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật Hải quan năm 2014 thì: *“Hàng hóa bao gồm động sản có tên gọi và mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan.*

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất thì: *“Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa doanh nghiệp chế xuất với các khu vực khác trên lãnh thổ Việt Nam, không phải là khu phi thuế quan, là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu trừ các trường hợp quy định tại điểm c khoản này và các trường hợp không phải làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan”.*

Phạm vi địa bàn hoạt động hải quan được quy định cụ thể tại Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ.

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hàng hoá phải được đưa ra/đưa vào lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa ra/đưa vào khu vực hải quan riêng (khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất, khu phi thuế quan, kho ngoại quan) hoặc được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan (theo quy định tại Nghị định số 01/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2018/NĐ-CP trong đó gồm khu kinh tế cửa khẩu có doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa chịu sự giám sát, kiểm soát hải quan - như hàng hóa gia công, hàng sản xuất xuất khẩu chịu sự quản lý, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan bao gồm hàng hóa đặt gia công tại Việt Nam và được tổ

chức, cá nhân nước ngoài đặt gia công bán cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam và hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan (quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP). Trường hợp hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP) sẽ không phải là hàng hóa XNK và không chịu sự giám sát, quản lý của cơ quan hải quan.

Để công tác quản lý nhà nước về hải quan được thống nhất, căn cứ bản chất giao dịch của hàng hoá, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP về xuất nhập khẩu tại chỗ như sau:

Bãi bỏ toàn bộ Điều 35 tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (thực tế chỉ bãi bỏ điểm c, khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP). Cơ quan hải quan không làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại chỗ quy định điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đã được quy định tại Điều 181, Điều 182 Luật Thương mại và Điều 42 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được quy định tại Điều 28 Luật Thương mại, khoản 4 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương, khoản 6 Điều 4 Luật Hải quan, khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Thủ tục hải quan đang được quy định tại Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Trường hợp bãi bỏ toàn bộ quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP thì thủ tục hải quan đối với hoạt động quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 35 NĐ 08/2015/NĐ-CP đã có hướng dẫn cụ thể tại các điều tương ứng tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC và sẽ được hướng dẫn rõ hơn khi xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC, đảm bảo đầy đủ thủ tục để doanh nghiệp có cơ sở thực hiện; việc quy định tại Thông tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành không trái với quy định hiện hành, đủ cơ sở pháp lý để Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện.

Đồng thời, để tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ trong giai đoạn chuyển giao, doanh nghiệp có thời gian sắp xếp kế hoạch sản xuất, kinh doanh dài hạn, tránh gián đoạn trong việc cung ứng hàng hóa cho sản xuất, Bộ Tài chính kiến nghị bổ sung nội dung chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định về việc bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và quy định thương nhân nước ngoài phải đáp ứng điều kiện không có hiện diện tại Việt Nam quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương để tránh có cách hiểu khác nhau như hiện nay. Nội dung sửa đổi cụ thể như sau:

“2. Bãi bỏ Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam được tiếp tục thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực và phải đáp ứng điều kiện thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương”.

d) Tác động khi bãi bỏ Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP:

- Việc bãi bỏ quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP sẽ tạo thuận lợi lớn cho cả hải quan và doanh nghiệp:

+ Đối với doanh nghiệp: cắt giảm thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp; trong 05 năm từ năm 2018-2022 thì trung bình mỗi năm có khoảng hơn 1,8 triệu tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ, trường hợp bãi bỏ quy định này thì trung bình hàng năm doanh nghiệp tiết kiệm được khoảng 36,7 tỷ đồng (lệ phí hải quan là 20.000đ/tờ khai), chưa kể tiết kiệm được chi phí về thời gian, nguồn lực do phải làm thủ tục hải quan.

+ Đối với cơ quan hải quan: Giảm thời gian, nhân lực và vật lực để thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại chỗ. Giảm rủi ro khi không có cơ sở xác định thương nhân nước ngoài có hay không có hiện diện tại Việt Nam.

Tuy nhiên, ngoài mặt tích cực nêu trên thì việc bãi bỏ quy định tại Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP có các vấn đề liên quan đến việc nộp thuế, thu thuế nhập khẩu cụ thể như sau:

- Về phía doanh nghiệp: trung bình hàng năm (từ 2018-2022) doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ phải nộp số tiền thuế nhập khẩu tại chỗ khoảng 2.252,3 tỷ đồng. Số tiền này, doanh nghiệp sẽ được hoàn thuế nếu hàng hoá nhập khẩu tại chỗ sau đó đưa vào sản xuất ra sản phẩm và đã thực xuất khẩu.

Trường hợp không làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ thì số tiền thuế nhập khẩu đầu vào của doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ (nộp ngay lúc nhập khẩu ban đầu hoặc khi thay đổi mục đích sử dụng) sẽ tạo thành chi phí cấu thành trong giá thành sản xuất, khi bán cho doanh nghiệp khác trong nội địa hoặc xuất khẩu làm cho mặt bằng giá cả hàng hoá đầu ra bị đội lên đúng bằng một khoản thuế nhập khẩu đầu vào của chuỗi cung ứng. Hiện nay, theo quy định của pháp luật về thuế thì không có cơ chế để hoàn thuế/khấu trừ thuế cho khoản thuế nhập khẩu đầu vào của doanh nghiệp đầu tiên sau đó kết chuyển theo chuỗi vào giá thành sản xuất trung gian cho đến khi sản phẩm hoàn chỉnh cuối cùng được xuất khẩu.

Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn giải pháp khác để được miễn/hoàn thuế nhập khẩu như xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài theo hình thức xuất vào kho ngoại quan sau đó thương nhân nước ngoài bán cho doanh nghiệp nội địa thì so với thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ đang áp dụng sẽ phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp như chi phí thuê kho ngoại quan, vận chuyển trung gian từ nội địa vào kho ngoại quan, từ kho ngoại quan vào nội địa.

Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn chuyển đổi từ doanh nghiệp thường thành DNCX thì sẽ phát sinh các chi phí liên quan như thủ tục đề nghị cấp phép đầu tư, điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan để được áp dụng chế độ phi thuế quan (phải đầu tư hệ thống mặt bằng, nhà xưởng, camera giám sát kết nối với cơ quan hải quan 24/7, phần mềm quản lý hàng hoá tại DNCX).

- Về phía nhà nước: khi không làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ sẽ không thu được khoản thuế xuất khẩu tại chỗ khoảng 13,1 tỷ đồng/năm, thuế nhập khẩu tại chỗ khoảng 2.252,3 tỷ đồng/năm, thuế nhà thầu khoảng 309 triệu USD/năm tương đương 7.725 tỷ đồng. Tuy nhiên, Nhà nước sẽ không mất khoản thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính là 1,2 tỷ USD/năm, tương đương

30.000 tỷ đồng (là khoản ước tính 20% của chênh lệch giữa doanh thu xuất khẩu tại chỗ và doanh thu nhập khẩu tại chỗ sau khi đã tính thuế nhà thầu 1%). Tức là nếu không làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ, nhà nước sẽ không mất một khoản thuế 20.009,6 tỷ đồng (là khoản 30.000-7.725-2.252,3-13,1).

Như vậy, nếu bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP thì doanh nghiệp không phải làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ. Theo đó, trung bình hàng năm, doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được 11,54 triệu giờ và 4.121,90 tỷ đồng. Tuy nhiên, khi không làm thủ tục hải quan thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc hoàn số tiền thuế nhập khẩu là 2.252,3 tỷ đồng. Trường hợp lựa chọn các phương án khác như xuất khẩu vào kho ngoại quan hoặc chuyển đổi thành DNCX thì sẽ phát sinh thêm chi phí so với hiện hành.

II. Về các nội khác tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung:

Thực hiện Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 628/QĐ-TTg ngày 20/05/2022, theo đó Tổng cục Hải quan đã bám sát các mục tiêu chiến lược như: xây dựng Hải quan Việt Nam dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số, với mô hình hải quan số, hải quan thông minh, hướng tới môi trường phi giấy tờ trong quản lý Nhà nước về hải quan thông qua việc đẩy mạnh chữ ký số, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số với Hệ thống chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính và Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, 100% hồ sơ nghiệp vụ kiểm soát hải quan cơ bản được chuyển sang dữ liệu điện tử, tiến tới số hóa, Bộ Tài chính đã tiếp tục rà soát, nghiên cứu bổ sung thêm các nội dung mới (so với dự thảo đã lấy ý kiến thành viên Chính phủ), cũng như chỉnh sửa lại một số nội dung đã sửa đổi, bổ sung tại dự thảo đã lấy ý kiến thành viên Chính phủ như:

1. Nội dung liên quan đến việc đảm bảo, đáp ứng hải quan số, hải quan thông minh: Nghị định được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc đảm bảo cho việc thực hiện thủ tục hải quan trên môi trường điện tử, xử lý dữ liệu thông minh thông qua việc số hóa các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan; việc khai báo, tiếp nhận, xử lý hồ sơ hải quan thực hiện qua hệ thống; việc quản lý hải quan đối với các hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu được thực hiện trên hệ thống; việc quản lý hoạt động của doanh nghiệp ưu tiên được thực hiện thông qua việc kết nối, trao đổi dữ liệu giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan,...

2. Một số nội dung cụ thể liên quan đến:

a) Nhóm thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: Sửa đổi bổ sung các nội dung liên quan: Địa điểm làm thủ tục hải quan (Điều 4), người khai hải quan (Điều 5), Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan (Điều 6), Khai hải quan (Điều 25), kiểm tra thực tế hàng hóa (Điều 29), giải phóng hàng (Điều 32), trách nhiệm và quan hệ phối hợp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại cửa khẩu trong việc kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải tại cửa khẩu (Điều 33), giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh (Điều 34)...

b) Nhóm thủ tục đối với một số loại hàng hóa cụ thể:

- Nhóm hàng hóa gia công, sản xuất xuất khẩu.

- Nhóm hàng hóa quá cảnh, trung chuyển

- Nhóm hàng hóa khác: (i) Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu nhưng bị trả lại, (ii) Hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập khác, (iii) Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển (iv) Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người nhập cảnh, xuất cảnh thất lạc, nhầm lẫn (v) Thủ tục hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh.

c) Nhóm phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh: (i) Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận xuất nhập cảnh..qua đường hàng không, đường biển, (ii) Thủ tục hải quan đối với phương tiện đường bộ, đường thủy nội địa và các phương tiện vận tải khác

d) Nhóm doanh nghiệp ưu tiên

đ) Nhóm về kiểm tra sau thông quan

Các nội dung trên sửa đổi, bổ sung nhằm giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tế, đáp ứng yêu cầu triển khai hệ thống CNTT thực hiện Hải quan số.

III. Trên cơ sở nội dung nêu tại mục I, II dẫn trên, hiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được hoàn thiện như sau:

1. Về kết cấu của dự thảo Nghị định hiện nay không thay đổi so với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ, cụ thể gồm 03 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;
- Điều 2. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;
- Điều 3. Điều khoản thi hành.

2. Số lượng các nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại dự thảo Nghị định hiện nay so với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ ký ban hành theo công văn số 13743/BTC-TCHQ ngày 27/12/2022:

- Giữ nguyên so với nội dung đã trình Chính phủ: 29 Điều;
- Sửa đổi, bổ sung tiếp so với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: 48 Điều;
- Nội dung sửa đổi, bổ sung mới so với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: 03 Điều;
- Nội dung bãi bỏ mới: 04 Điều (trong đó có 03 Điều kế thừa nội dung bãi bỏ tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP).

Như vậy, tổng hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định lần này so với Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP gồm:

- + Giữ nguyên quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP: 35 Điều;
- + Kế thừa nội dung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP: 04 nội dung/ Điều;
- + Sửa đổi, bổ sung: 63 Điều;
- + Bổ sung mới: 02 Điều;

+ Bãi bỏ mới: 08 Điều/ điểm, khoản;

+ Kế thừa bãi bỏ: 07 Điều (trong đó gồm: 03 Điều kế thừa nội dung bãi bỏ tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP và 03 Điều kế thừa nội dung bãi bỏ tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP).

Bộ Tài chính xin trình kèm Phụ lục 3 các nội dung chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định.

Do có nội dung thay đổi so với Nghị định đã trình Chính phủ trước đây, do vậy Bộ Tài chính đã tổ chức các hội thảo lấy ý kiến trực tiếp cũng như lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành tổ chức, cá nhân có liên quan về các nội dung **mới** tại dự thảo Nghị định so với dự thảo đã trình Thủ tướng Chính phủ theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến .../bộ.... và đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình tại Phụ lục ..(trình kèm).

Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định tại công văn số Ngày Bộ Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số..., Bộ Tài chính đã tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (trình kèm Phụ lục ...) và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ./.

(Xin trình kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân liên quan về dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định của Bộ Tư pháp và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định của Bộ Tư pháp.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Lưu: VT, TCHQ (06b).

BỘ TRƯỞNG